TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2026/DS-PT
Ngày: 14-01-2026
V/v: Tranh chấp dân sự
về hợp đồng ủy quyền.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Rung K'Nhơn

Ông Đặng Ngọc Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 438/2025/TLPT-DS ngày 18/11/2025 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng ủy quyền".

Do Bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 625/2025/QĐ-PT ngày 01/12/2025; Thông báo số 655/TB-PT ngày 29/12/2025 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án dân sự, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Bá N, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thành T - Công ty L; địa chỉ: Số A, Quốc lộ A, thôn Đ, xã B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C1 nay là Văn phòng C1; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người làm chứng: Bà Phan Thị H, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5. Người kháng cáo: Ông Đoàn Bá N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim C trình bày: Ngày 16/6/2023, bà và ông N ký thỏa thuận với nội dung bà ủy quyền cho ông N khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp đất tại thị trấn Đ, huyện Đ; với tiền công 150.000.000đ. Ngày 16/6/2023, bà chuyển khoản cho ông N 20.000.000đ; ngày 26/6/2023, bà đưa cho ông N 80.000.000đ; ngày 13/9/2023, bà chuyển cho ông N 30.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà đưa cho ông N 130.000.000đ. Ngày 11/3/2024, ông N đơn phương chấm dứt hợp đồng, không tham gia tố tụng tại Tòa án trong vụ án mà ông N đã nhận ủy quyền thay bà mà chưa có sự thỏa thuận giữa bà và ông N, cũng không có văn bản thông báo cho bà biết.

Do ông N vi phạm thỏa thuận của hai bên và không thực hiện nghĩa vụ của bên nhận ủy quyền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu chấm dứt ủy quyền giữa bà và ông N, yêu cầu ông N trả lại 130.000.000đ,

Bà C thừa nhận thỏa thuận ngày 16/6/2023 là đúng thực tế, thể hiện ý chí của cả hai bên. Đối với văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023 được lập sau và bà không biết, không hiểu biết pháp luật nên mới lập thêm giấy ủy quyền cho ông N thay mặt bà làm việc với các cơ quan trong việc đòi lại đất. Ông N gọi bà xuống Văn phòng C1 để ký giấy ủy quyền, ông N nói ký để nộp cho Tòa án thì bà ký chứ không đọc và không biết ký hợp đồng ủy quyền đó để làm gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận ngày 16/6/2023 là đúng, ông N là người vi phạm thỏa thuận nên đề nghị chấm dứt ủy quyền giữa bà và ông N về việc bà giao cho ông N trực tiếp làm việc với Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai và các cơ quan có thẩm quyền, bảo vệ quyền lợi đúng pháp luật trong việc đòi lại diện tích đất rẫy khoảng 2ha có cây điều giáp mỏ đá thị trấn Đạ M’ri nay là xã Đ 2; hiện nay bà Trần Thị Hồng T1 - Giám đốc mỏ đá P đang chiếm đoạt; đối với chi phí ủy quyền, trong thời gian nhận ủy quyền ông N có thực hiện thay bà một số công việc như hướng dẫn đơn, liên hệ Tòa án nộp đơn khởi kiện nên bà đồng ý trả cho ông N một phần chi phí ủy quyền 20.000.000đ và chỉ yêu cầu ông N trả lại 110.000.000đ chứ không phải 130.000.000đ như yêu cầu khởi kiện ban đầu; yêu cầu hủy giấy ủy quyền công chứng số 2757, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1 vì giấy ủy quyền này được lập để hợp thức hóa hồ sơ nộp cho Tòa án không thể hiện đúng bản chất nội dung thỏa thuận giữa bà và ông N.

Bị đơn ông Đoàn Bá N trình bày: Ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C. Ông vẫn đang thực hiện công việc và thực hiện đúng theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2023. Còn việc ông không tham gia tố tụng (có văn bản gửi đến

Tòa án ngày 11/3/2024) là vì: Theo giấy ủy quyền bà C ủy quyền cho ông ngày 17/7/2023 không có nội dung ủy quyền cho ông tham gia tố tụng tại Tòa án nên ông đã làm văn bản không tham gia tố tụng để gửi đến Tòa án. Ông không tham gia tố tụng vì bà N vi phạm thỏa thuận ở hai nội dung:

Thứ nhất, ngày 16/6/2023 hai bên thỏa thuận bà C giao cho ông toàn quyền làm việc với các cơ quan chức năng về việc đòi lại đất nhưng đến văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023 bà C lại không giao toàn quyền cho ông mà chỉ ủy quyền cụ thể một số nội dung, không ủy quyền tham gia tố tụng.

Thứ hai, trong thỏa thuận ngày 16/6/2023 bà C phải trả thù lao cho ông một lần đủ 150.000.000đ và trả ngay khi ký văn bản thỏa thuận, khi nhận tiền ký vào biên bản nhưng bà C không thực hiện mà trả cho ông làm ba lần mới được 130.000.000đ, còn lại 20.000.000đ bà C không trả là vi phạm thỏa thuận.

Văn bản thỏa thuận ngày 16/6/2023 là đúng, thể hiện ý chí của cả hai bên, ông đồng ý với nội dung thỏa thuận này nhưng bà C là người vi phạm thỏa thuận, không trả đủ tiền một lần cho ông. Văn bản ủy quyền ngày 17/7/2023 là vấn đề thủ tục pháp lý vì theo quy định của Tòa án bà C phải ký hợp đồng ủy quyền được chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền thì ông N mới được tham gia đại diện cho bà C làm việc với Tòa án nên bà C kiện ông là không đúng, ông yêu cầu hủy giấy ủy quyền ngày 17/7/2023 và hủy thỏa thuận ngày 16/6/2023.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C1) thể hiện: Ngày 17/7/2023, Văn phòng C1 nhận được yêu cầu công chứng giấy ủy quyền của ông N, bà C. Nội dung và các công việc được liệt kê cụ thể trong giấy ủy quyền là do chuyên viên của Văn phòng C1 theo yêu cầu của ông N, bà C đã viết ra tờ giấy và Văn phòng C1 tiến hành soạn thảo lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kiểm tra hồ sơ yêu cầu công chứng, công chứng viên Nguyễn Thanh H1 thụ lý và tiến hành chứng nhận giấy ủy quyền của bà C số công chứng 2757, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Việc chứng nhận giấy ủy quyền trên là đúng trình tự thủ tục. Bà C tự đọc lại toàn bộ nội dung của giấy ủy quyền và đồng ý ký tên và điểm chỉ vào giấy ủy quyền trước mặt công chứng viên ngày 17/7/2023. Nay các bên tranh chấp, đề nghị giải quyết theo quy định.

Người làm chứng bà Phan Thị H thể hiện: Bà H và ông N có quan hệ quen biết xã hội, lúc đầu việc thỏa thuận giữa ông N và C thì bà không tham gia, không biết, trước đó bà H cũng không quen biết bà C. Sau này bà H nghe nói bà C và ông N thỏa thuận để ông N đòi đất cho bà C sau đó bà C mời đi ăn uống, cà phê bà H có đi cùng một lần và những lần sau bà C và ông N làm việc với nhau thì bà H không đi cùng.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C đối với ông N. Hủy giấy ủy quyền số công chứng 2757, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1.

Chấm dứt ủy quyền giữa ông N và bà C theo thỏa thuận ngày 16/6/2023. Buộc ông N trả lại cho bà C 110.000.000đ.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/9/2025, ông Đoàn Bá N kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Đoàn Bá N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm: Bản án sơ thẩm đã tuyên xử: *"*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim C đối với ông Đoàn Bá N. Hủy giấy ủy quyền lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1. Chấm dứt ủy quyền giữa ông Đoàn Bá N và bà Huỳnh Thị Kim C theo thỏa thuận dân sự tự nguyện ngày 16/6/2023. Buộc ông Đoàn Bá N trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim C 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) là chưa phù hợp, chưa đánh giá toàn diện. Bởi lẽ: Theo Giấy ủy quyền ngày 16/6/2023 bà C ủy quyền cho ông N đòi lại 2,5 hecta đất, song song đó ngày 17/7/2023 hai bên ký ủy quyền tại Văn phòng C1, căn cứ vào nội dung ủy quyền này là ủy quyền tham gia hòa giải đối thoại theo Thông báo hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm không biết dựa vào căn cứ nào triệu tập ông N tham gia tố tụng, trường hợp ủy quyền không phù hợp không đầy đủ thì Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn 2 bên làm lại ủy quyền cho đảm bảo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Đoàn Bá N thống nhất với lời trình bày quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ngoài ra ông N còn trình bày bổ sung: Theo các văn bản ủy quyền trên bà C không có ủy quyền cho ông N tham gia tố tụng nên ông N làm đơn từ chối tham gia tố tụng là không sai, trong vụ việc này bà C là người có lỗi chứ không phải ông N. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người làm chứng bà Phan Thị H trình bày: Bà H giữ nguyên nội dung ý kiến trình bày như tại giai đoạn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim C có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Bá N trả lại số tiền 130.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi, bổ sung về yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy giấy ủy quyền số công chứng 2757, quyển

số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1. Chấm dứt ủy quyền giữa ông Đoàn Bá N và bà Huỳnh Thị Kim C theo thỏa thuận ngày 16/6/2023. Buộc ông Đoàn Bá N trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim C 110.000.000đ. Việc nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nêu trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[1.2] Bà Huỳnh Thị Kim C và Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C1) có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt của những người trên.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Bá N trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo được thực hiện đúng quy định tại Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Bá N, xét thấy:

[2.1] Theo thỏa thuận dân sự - tự nguyện ngày 16/6/2023 được xác lập bằng văn bản dựa trên ý chí tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên thỏa thuận rõ công việc phải làm, thù lao được hưởng, quyền và nghĩa vụ của các bên, các đương sự thừa nhận nội dung thỏa thuận thể hiện đúng bản chất công việc và ý chí tự nguyện của hai bên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ủy quyền này đúng quy định của pháp luật và đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền là có căn cứ.

[2.2] Theo hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Công T2, bà Huỳnh Thị Kim C; bị đơn bà Trần Thị Thu H2 do Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết cho thấy, Tòa án đã đưa ông N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà C, đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông N theo đúng quy định của pháp luật, ông N không có ý kiến gì đối với việc Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của ông N trong vụ án trên. Ngày 11/3/2024, ông N có đơn từ chối tham gia tố tụng nhưng trong thời điểm đó tại hồ sơ không có văn bản nào thể hiện ông N và bà C chấm dứt tư cách người đại diện theo ủy quyền của bà C, việc ông N tự ý từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của bà C, bà C cho rằng ông N vi phạm thỏa thuận của hai bên đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bên nhận ủy quyền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C nên bà C yêu cầu chấm dứt ủy quyền giữa bà C và ông N là có căn cứ.

[2.3] Thỏa thuận dân sự - tự nguyện ngày 16/6/2023 được hai bên ký kết với số tiền thù lao bà C phải trả cho ông N 150.000.000đ, trả đủ một lần và trả ngay khi ký thỏa thuận. Tuy nhiên, mặt sau của văn bản thỏa thuận thể hiện, các bên lại giao nhận tiền làm ba lần cụ thể: Ngày 15/6/2023 (theo bà C trình bày là

giao tiền ngày 16/6/2023) bà C chuyển khoản cho ông N 20.000.000đ; ngày 26/6/2023 bà C đưa cho ông N 80.000.000đ; ngày 13/9/2023 bà C chuyển cho ông N 30.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà C đã trả cho ông N là 130.000.000đ, số tiền này được ông N và bà C thừa nhận đã giao và đã nhận đủ 130.000.000đ và còn thiếu 20.000.000đ chưa thanh toán. Hai bên giao và nhận tiền làm ba lần, lần thứ 3 vào ngày 13/9/2023 trước thời điểm ông N liên hệ Tòa án để nộp đơn khởi kiện thay bà C (ngày 16/11/2023) nên ngày ông N thay bà C nộp đơn khởi kiện bà Trần Thị Thu H2 cũng là ngày xác định thời điểm ông N thực hiện công việc được ủy quyền. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/9/2023 đến ngày 16/11/2023 hai bên không tranh chấp về thời gian thanh toán phí ủy quyền nên có căn cứ xác định ông N, bà C đã đồng ý thống nhất thay đổi thỏa thuận ban đầu từ thanh toán một lần ngay khi ký thỏa thuận sang thanh toán nhiều lần. Do vậy, việc ông N có ý kiến cho rằng bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán chi phí ủy quyền nên ông N đề nghị Tòa án hủy thỏa thuận dân sự - tự nguyện ngày 16/6/2023 là không có cơ sở.

Bà C và ông N đều thừa nhận ông N đã thực hiện một phần công việc được ủy quyền như tư vấn cho bà C về nội dung vụ việc, chỉ dẫn bà C làm thủ tục khởi kiện ban đầu và cùng song hành với bà C khi bà C làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án. Bà C đồng ý chi trả một phần thù lao, chi phí tiền công và xăng xe đi lại cho ông N với số tiền 20.000.000đ là phù hợp.

Việc ông N từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án mà không thông báo cho bà C biết làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người ủy quyền và vi phạm quy định của pháp luật. Trong khi đó, theo thỏa thuận ngày 16/6/2023 có nội dung "Bên A vi phạm thỏa thuận hoặc không đòi lại đất cho bên B thì phải thanh toán trả lại số tiền đã nhận của bên B" nên việc ông N tự ý từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án là vi phạm nội dung thỏa thuận ngày 16/6/2023 nên bà C yêu cầu ông N trả lại số tiền 110.000.000đ là có căn cứ.

[2.4] Giấy ủy quyền số công chứng 2757, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày 17/7/2023 được Văn phòng C1 thực hiện chứng nhận đúng trình tự thủ tục. Tuy nhiên, bà C và ông N đều có yêu cầu hủy giấy ủy quyền này và cùng thừa nhận giấy ủy quyền ngày 17/7/2023 nhằm để hợp thức hóa thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án còn hợp đồng ủy quyền chính thể hiện toàn bộ nội dung ủy quyền của hai bên là Văn bản thỏa thuận dân sự - tự nguyện lập ngày 16/6/2023 nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, hủy giấy ủy quyền số công chứng 2757, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1 là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đoàn Bá N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới, cũng như lời trình bày quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Bá N. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là phù hợp.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, tuy nhiên ông N thuộc trường hợp người cao tuổi và

trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông N có đơn xin miễn án phí nên ông N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Bá N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 131, 562, 563, 565, 566, 567, 568, 569 của Bộ luật Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim C đối với ông Đoàn Bá N.

1.1 Hủy giấy ủy quyền số công chứng 2757, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD được lập ngày 17/7/2023 tại Văn phòng C1, địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nay là thôn D, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

1.2 Chấm dứt ủy quyền giữa ông Đoàn Bá N và bà Huỳnh Thị Kim C theo thỏa thuận dân sự - tự nguyện ngày 16/6/2023.

1.3 Buộc ông Đoàn Bá N trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim C số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Ông Đoàn Bá N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- Phòng THA khu vực 5 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hs vụ án, Tổ HCTP; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Đăng